MẠNG LƯỚI CHỢ Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG THẾ KỶ XVII ĐẾN NĂM 1945

LÊ QUANG CẦN *

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là vùng đất cực Nam của Việt Nam với nhiều chuyển biến về kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội trong suốt hơn ba trăm năm qua. Khi hoạt động sản xuất kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp ở ĐBSCL ngày càng phát triển, cung vượt cầu cá nhân của mỗi gia đình, thúc đẩy mua bán, trao đổi hàng hóa giản đơn ra đời, để rồi lần lượt hình thành mạng lưới chợ khắp vùng gắn với các điểm tụ cư người dân. Thuở ban đầu, giao thông đường thủy vùng này giữ vai trò chủ đạo, nên mạng lưới chợ ra đời gắn với sông ngòi, kênh rạch chằng chịt. Mạng lưới chợ ra đời, hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa nhộn nhịp góp phần hình thành nền kinh tế hàng hóa khá sớm ở vùng này, thúc đẩy hệ thống thương cảng ven sông, đô thị, thị trấn phát triển khá sầm uất.

Thời Pháp thuộc, kiến trúc, quy mô, phương thức buôn bán, trao đổi, chủng loại hàng hóa của mạng lưới chợ ở ĐBSCL có nhiều chuyển biến rõ rệt. Giai đoạn từ thế kỷ XVII đến năm 1945, mạng lưới chợ ở ĐBSCL lần lượt ra đời và ngày càng mở rộng về quy mô, tăng dần về số lượng, chuyển biến về diện mạo, thúc đẩy thương nghiệp phát triển góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần người dân nơi đây.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi đi sâu phân tích, đánh giá về vị trí, vai trò của mạng lưới chợ (ĐBSCL) theo không gian gồm 12 tỉnh: Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Trà Vinh, Vĩnh Long, An Giang, Sóc Trăng, Hậu Giang, Bạc Liêu, Kiên Giang, Cà Mau và Thành phố Cần Thơ. Qua đó, phục dựng khách quan, chân thực diện mạo mạng lưới chợ nơi này từ thế kỷ XVII đến năm 1945.

1. Điều kiện ra đời mạng lưới chợ

Khái niệm chợ, mạng lưới chợ

Theo *Từ điển tiếng Việt*: Chợ là nơi được cộng đồng dân cư trong vùng thỏa thuận với nhau dùng làm địa điểm mua bán chung hàng ngày hoặc vào những ngày nhất định trong tháng (1). Theo Thông tư số 15/TM-CSTTTN, ngày 16-10-1996 của Bộ Thương mại hướng dẫn tổ chức và quản lý chợ: Chợ là mạng lưới thương nghiệp được hình thành và phát triển cùng với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội (2). Nghị định số 02/2003/NĐ-CP, ngày 14-01-2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ: Chợ là loại hình kinh doanh thương mại được hình thành và phát triển mang tính truyền thống, được tổ chức tại một địa điểm theo quy hoạch, đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hoá và nhu cầu tiêu dùng của khu vực dân cư (3).

* TS. Ban Tuyên giáo tỉnh ủy Đồng Nai

Từ điển tiếng Việt cho biết: Mạng lưới là hệ thống những đường, những vạch đan nối vào nhau và cùng gánh vác một chức năng như mạng lưới giao thông, mạng lưới điện thoại (4). Do đó, mạng lưới chợ là hệ thống những chợ kết nối với nhau cùng thực hiện chức năng trung gian mua bán, trao đổi, luân chuyển hàng hóa giữa các địa phương với nhau và ngược lại ở ĐBSCL nói riêng, cả nước nói chung.

Từ nhiều cách lý giải khác nhau, có thể thống nhất: Mạng lưới chợ ở ĐBSCL là chuỗi kết nối các chợ lại với nhau nhằm thỏa mãn nhu cầu trao đổi, mua bán hàng hóa, dịch vụ giữa những người sản xuất với nhau, người sản xuất với người tiêu dùng và ngược lại. Mạng lưới chợ nơi này là những địa điểm mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản, hàng tiêu dùng thiết yếu, tư liệu sản xuất… góp phần thúc đẩy sản xuất kinh tế phát triển, giao lưu, tiếp biến, lan tỏa văn hóa giữa các vùng miền, khu vực và thế giới.

Đối với dân cư

Từ đầu thế kỷ XVII, ở ĐBSCL bắt đầu xuất hiện lớp dân cư mới người Việt với đa số là nông dân, thợ thủ công nghèo do chiến tranh Trịnh - Nguyễn kéo dài, những người trí thức chống lại chính quyền phong kiến Lê - Trịnh, một bộ phận nhỏ người bị tù tội phải lưu đày… Trong lớp dân cư mới đến ĐBSCL, còn có người Hoa từ các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Phúc Kiến (Trung Quốc). Ở Mỹ Tho, có nhóm do Dương Ngạn Địch dẫn đầu đến cư trú năm 1679; Hà Tiên (Mang Khảm) do Mạc Cửu thống lĩnh đến cư trú năm 1680. Từ cuối thế kỷ XVII trở đi, lần lượt nhiều người dân nghèo thuộc các tỉnh ven biển Đông Nam Trung Quốc (Triều Châu, Phúc Kiến, Quảng Đông, Hải Nam) dắt díu nhau nhập cư ĐBSCL để kiếm sống ngày càng đông. Cùng với người Khơme cư dân bản địa, lớp cư dân mới với truyền thống đoàn kết, tương trợ đẩy mạnh công cuộc khai khẩn quy mô lớn ở ĐBSCL. Từ đây, cảnh quan vùng này từng bước thay đổi, xóm làng trù mật, đồng ruộng phì nhiêu, nhiều thị tứ, trung tâm dân cư được thiết lập (5).

Bước sang thế kỷ XIX, dân số vùng này tăng lên do sinh đẻ tự nhiên, lưu dân miền Bắc, miền Trung tiếp tục nhập cư khai khẩn đất đai theo chủ trương của triều Nguyễn, một số trung tâm hình thành trong các thế kỷ trước như sông Vàm Cỏ, sông Tiền, giữa vùng sông Tiền và sông Hậu giờ đây nối liền thành một dãy đồng ruộng, vườn tược liên tiếp. Đặc biệt, trong nửa đầu thế kỷ XIX, lưu dân người Việt xâm nhập càng lúc càng mạnh vào vùng đất nằm phía Nam sông Hậu như Long Xuyên, Rạch Giá sau khi một số kênh lớn như Vĩnh Tế, Thoại Hà được khai thông (6).

Sau khi thực dân Pháp hoàn tất chiếm ĐBSCL năm 1867, tiến hành chương trình khai thác thuộc địa, dân số vùng này tiếp tục tăng lên; đến năm 1908, theo thống kê dân số các địa phương ĐBSCL là 2.129.898 người; đến năm 1930 là 3.346.500 người (7). Do đó, "có thể hình dung công cuộc khai phá đất đai, xác lập và thực thi chủ quyền Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ thế kỷ XVII, XVIII, XIX là một cuộc cách mạng xanh vĩ đại nhất" (8). Vì vậy, mạng lưới chợ tăng lên về số lượng, mở rộng về quy mô đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa của người dân, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh tế phát triển.

Hoạt động kinh tế

Trong các thế kỷ XVII - XIX, người Việt cùng các tộc người khác đã đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, biến ĐBSCL thành nơi cung ứng nông sản cho vùng Thuận Quảng và xuất khẩu ra nước ngoài. Đây là một

hình thức xác lập chủ quyền thông qua các hoạt động kinh tế (9). Đất ở đây, "phía trước giáp sông lớn, nhiều gò đất cao để trồng bông vải, dâu, mè, bí, ngô, bí đao, dưa hấu, bắp đỏ, khoai lang, thuốc lá, đậu nành, đậu trắng, đậu đen…" (10). Các loại lúa tẻ chủ yếu vào đầu thế kỷ XIX gồm có: lúa tàu, lúa sá, lúa móng tay, lúa móng chim, lúa mo cải, lúa cà dông, lúa cà nhe, lúa tráng sẻ nhất, lúa chàng cô; trong đó, ngon nhất là lúa tàu, lúa cà nhe. Các loại lúa nếp chủ yếu gồm nếp hương bầu, nếp sáp, nếp đen hay còn gọi là nếp quạ, nếp than… Nông sản, thủy sản đã trở thành hàng hóa, do đó các thương nhân từ nhiều nơi đến đây để mua hàng và hoạt động thương mại trở nên sôi động (11). Ngoài lúa gạo, hoa màu, một mặt hàng khác quen thuộc với người Hoa ở đây là cá khô. Theo Michel Chaigneau, khi nói về những thập niên đầu của thế kỷ XIX, một tạ cá khô (50kg) có thể mua với giá 2 đồng tại đồng bằng sông Cửu Long, trong khi cũng số lượng ấy, người ta phải trả từ 3 đến 4 đồng. Cá phơi khô có thể bán tại Ma cao với giá 12 đồng (12).

Trong những năm từ 1859-1945, gắn liền với chương trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, diện tích đất đai khai hoang, phục hóa ở ĐBSCL không ngừng mở rộng. Đến năm 1908, theo thống kê diện tích trồng lúa ĐBSCL là 1.386.132 ha, bình quân diện tích ruộng là 6.503m^2/người, đến năm 1930 diện tích trồng lúa 2.056.920ha (13).

Với ưu đãi đất đai phù sa, màu mỡ, ĐBSCL không những có lợi thế về trồng lúa, mà còn cho phép người nông dân đẩy mạnh sản xuất các loại hoa quả, rau màu khác nhau. Trong đó, cau là loại cây trồng quan trọng đứng hàng thứ hai sau lúa gạo… Ngoài cau ra còn nhiều loại cây ăn trái khác như cam, chuối, quýt, bưởi, chanh, long nhãn, dừa, xoài… chuối kim tiêu, chuối ba hương, chuối hồng, chuối mật, chuối hột… đặc biệt chuối cau rất thơm ngon…(14).

Nguồn lợi thủy sản đã cùng với lúa gạo góp phần làm sôi động thị trường nông sản hàng hóa trên vùng đất này: "Cá biển hay cá bắt ở các sông, rạch, ao, đầm cũng là một loại hàng hóa quan trọng. Cá được bán tươi hoặc làm khô, muối, làm mắm đem bán ở các nơi. Một vài nơi hoạt động này đặc biệt thịnh vượng. Ở sông Cần Lộ: dân nơi đây muối cá làm mắm, chặt tre kết bè thuận dòng xuôi bán tại các chỗ thị trấn. Ngoài ra, còn có tôm khô làm từ loại tôm đỏ bắt ở ven biển. Mỗi năm hai trấn Vĩnh Thanh và Hà Tiên bán cho ghe buôn độ 100.000 cân" (15).

Các nghề thủ công ở ĐBSCL khá phát triển như chế biến lương thực, thực phẩm Chợ Gạo (Định Tường), bánh neo Chợ Đào (Long An); dân các xã Long Định, Long Kim, Long Cang (Long An) có nghề dệt chiếu bông, chiếu lãi rất nổi tiếng; nổi tiếng lụa Tân Châu (An Giang), mặt hàng vải bông Mỹ Tho được chú ý trong cuộc đấu xảo tháng 2-1866 do Ủy ban Canh nông và kỹ nghệ Nam Kỳ tổ chức (16) góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế.

Một vùng kinh tế giàu tiềm năng, ngoài ưu thế hơn hẳn về lúa gạo với những cánh đồng bát ngát thẳng cánh cò bay, thì vùng này còn hết sức nổi tiếng với những miệt vườn vô tận, bạt ngàn rừng cau và đủ loại hoa quả, cây trái. Lúa gạo, cây trái, cá tôm và các sản phẩm nông nghiệp khác… đã trở thành nguồn hàng hóa chủ đạo của Nam Bộ trên tất cả các thị trường nội địa và quốc tế (17) giúp mạng lưới chợ nơi đây hoạt động ngày một sôi động, nhộn nhịp.

Mạng lưới giao thông

Với những công trình thủy lợi và giao thông thủy bộ kỳ vĩ của nhà Nguyễn, vùng biên giới Tây Nam được cải tạo đáng kể, trở thành một phần quan trọng của vựa lúa

Nam Kỳ. Đồng thời, sự phát triển nhanh chóng của kinh tế - xã hội đã khiến miền biên viễn Tây Nam trở thành một vùng giao thương đô hội. Nhờ đó, giao thông đường thủy tiện lợi, thuyền bè không phải ra biển mà đi được đến khắp nơi trong nội địa (18).

Giai đoạn 1859-1945, ngoài các tuyến kênh Vĩnh Tế, Bảo Định..., chính quyền Nam Kỳ cho đào thêm kênh Lấp Vò - Sa Đéc, kênh Chợ Gạo, kênh Thủ Thừa, kênh Chợ Đệm... Từ năm 1904-1906, cải tạo rạch Mang Thít; cải tạo đào sâu, nắn thẳng kênh Ba Xuyên, kênh Thạnh Lộ và đào kênh Cổ Chiên đi Trà Vinh. Từ năm 1906 - 1908, đào kênh Tẻ ở Sài Gòn, đào sâu thêm kênh Saintenoy; đào kênh Hậu Giang - Long Mỹ trên cánh đồng Cần Thơ - Sóc Trăng… (19) nhằm đấu nối các tuyến giao thông đường thủy toàn vùng.

Về đường bộ, chính quyền thuộc địa nhanh chóng tu sửa, cải tạo các tuyến đường thiên lý có sẵn từ trước; đồng thời, đầu tư xây dựng, mở rộng các đường nhánh đi các tỉnh, phủ, huyện. Đến năm 1880, hệ thống đường bộ ở Nam Kỳ đã tương đối hoàn chỉnh, gồm 9 đường quốc lộ và 53 đường tỉnh lộ (20), tạo điều kiện thuận lợi giao thương, trao đổi hàng hóa giữa các địa phương, nhất là đô thị lớn Sài Gòn - Chợ Lớn. Sự phát triển hoàn thiện mạng lưới giao thông thủy, bộ góp phần mở rộng địa bàn cư trú của người dân, chợ cũ thêm sung túc, chợ mới hình thành đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa của người dân địa phương.

2. Hoạt động của mạng lưới chợ

Chợ gắn với mạng lưới sông ngòi, kênh rạch

Ở ĐBSCL, ban đầu người dân thường cư trú trên gò đất cao ven bờ sông để thuận lợi việc đi lại. Do đó, mạng lưới chợ nơi này ra đời trên giồng đất cao ven các bến sông, kênh rạch để thuận lợi trao đổi, mua bán hàng hóa, hình ảnh trên bến dưới thuyền khá nhộn nhịp, sôi động phổ biến ở miền sông nước. Do đó, "một mạng lưới các chợ đã sớm hình thành từ những nơi thị tứ đến nông thôn, nhất là ở những giao điểm các trục lộ đường thủy… Chợ ở Nam Bộ có nhiều loại hình: Chợ trên bến dưới thuyền, chợ của những ghe buôn nhóm họp ở một giao lộ đường thủy, chợ cố định trên đất liền, chợ lưu động bằng các ghe buôn bách hóa…" (21).

Trên địa bàn trấn Định Tường, ở ngã ba sông Gò Công có chợ Gò Công; phía Đông sông Mỹ Tho, đến sông Kỳ Hôn có chợ cùng tên, đi tiếp đến chợ Quán Lương; sông Sầm ở phía Bắc hạ lưu Tiền Giang, có chợ nhỏ; ngược dòng lên Đông Bắc có chợ Xuân, đi tiếp đến chợ Thuộc Nhiêu; sông Ba Lai Bắc ở hạ lưu Tiền Giang, có chợ hình thành, đi nữa đến chợ Thanh San; sông Bảo Định ở phía Đông Bắc đến chợ Lương Phú (22). Ở trấn Vĩnh Thanh, sông Tiên Thủy có làng chợ; sông Mỹ Lung có chợ Bến Tre, đi tiếp đến chợ Mỹ Lung; sông Bình Phụng ở phía Đông trấn đến Kênh Chợ; sông Cần Đài Thượng có chợ Cần Đài; sông Vĩnh An đến chợ Ba Việt, sông Châu Thới ở phía Đông trấn có chợ Giồng Trôm ở ngã ba sông; sông Mang Thít có chợ quán trù mật, sông An Phú có chợ nhỏ, sông Trà Vinh có chợ phố; sông Sa Đéc có chợ phố, sông Cường Thành có chợ quán, sông Cường Oai có chợ quán, sông Trà có phố chợ; sông Ba Thắt có chợ nối dài, đi tiếp đến chợ Bãi Xao (23). Trên địa bàn trấn Hà Tiên có cảng Cần Bột cách phía Tây trấn 165 dặm rưỡi có chợ phố nhỏ; sông Lũng Ký ở phía Tây trấn sở lập xóm chợ búa (24) đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa của người dân địa phương.

Chợ gắn với điểm tụ cư người dân

Mạng lưới chợ là sản phẩm của sự tụ cư, sản xuất kinh tế của người dân ở ĐBSCL nói riêng, cả nước nói chung. Do đó, quy mô, mật độ chợ tỷ lệ thuận với sự

an cư lạc nghiệp, sức sản xuất của người dân ở một không gian nhất định. Gắn liền với quá trình tụ cư, khai mở ruộng đồng ở vùng đất Chín Rồng sớm hay muộn, mạng lưới chợ nơi đây có tuổi đời khác nhau, không ngừng biến đổi đáp ứng nhu cầu người dân địa phương. *Đại Nam nhất thống chí* được bổ sung hoàn chỉnh nhất theo bản khắc in năm 1910, nêu khá đầy đủ mạng lưới chợ ở ĐBSCL. Trên địa bàn tỉnh Định Tường thống kê 13 chợ lớn nhỏ với tên gọi đầy đủ (25), tỉnh Vĩnh Long có 19 chợ (26), tỉnh An Giang có 13 chợ (27), tỉnh Hà Tiên có 03 chợ (28).

Theo thống kê của Phủ Thống đốc Nam Kỳ qua *Công văn lược lục* năm 1923 có số lượng chợ ở ĐBSCL tăng lên khá nhanh. Có lẽ, thuế chợ là một trong các nguồn thu của chính quyền địa phương, nên số lượng chợ ở các làng xã được ghi chép khá chi tiết ở một số địa phương với trên 158 chợ. Trên địa bàn tỉnh Bến Tre có 44 chợ (29), tỉnh Châu Đốc có 6 chợ (30), tỉnh Gò Công có 13 chợ (31), tỉnh Mỹ Tho có 38 chợ (32), tỉnh Sa Đéc có 16 chợ (33), tỉnh Tân An có 10 chợ (34), tỉnh Trà Vinh 26 chợ (35), tỉnh Vĩnh Long 05 chợ (36) và một số địa phương khác chưa được thống kê đầy đủ.

Phương tiện trao đổi hàng hóa ở chợ

Thời quân chủ ở Việt Nam đã sử dụng khá nhiều đơn vị, dụng cụ đo lường trong mua bán hàng hóa ở chợ. Ngoài dùng tiền của Nhà nước làm phương tiện trao đổi, mua bán hàng hóa, "dân gian vẫn dùng theo cách riêng của mình, và mỗi nơi mỗi khác, chỉ có lúc thu nạp thuế khóa mới sử dụng hệ thống đo lường của Nhà nước" (37). Sau khi Pháp chiếm Việt Nam, nhận thấy sự phức tạp trong phương thức đo lường này, họ muốn thay bằng hệ đo lường tương đối hiện đại, nhưng người dân đã quen dùng cách đo lường cũ. Do vậy, họ đặt ra những quy định thống nhất trong việc quy đổi. Ví dụ, 1 giạ lúa ở Nam Bộ có giá trị khác nhau ở các địa phương: 35 lít (Mỹ Tho), 38,27 lít (Chợ Lớn), 39,71 lít (Sài Gòn), một số nơi khác thì 42 lít… Ngày 24-12-1863, Soái phủ Nam Kỳ ra nghị định thống nhất 1 giạ là 40 lít (38). Theo *Lịch Annam thông dụng trong Nam Kỳ* (1899), chính phủ Pháp ra nghị định ngày 11-02-1898 quy định về việc đong lường ở Nam Kỳ, bắt đầu từ ngày 01-7-1898, ở Nam Kỳ, đều phải dùng đồ đo lường: loại 1 lít, 5 lít, 10 lít, 20 lít, vuông 40 lít (39).

Hoạt động mua bán trao đổi ở mạng lưới chợ

Cùng với việc sản xuất kinh tế đã hình thành mạng lưới chợ ở ĐBSCL nhằm đáp ứng nhu cầu sinh kế của cư dân làm nông, lâm, ngư nghiệp và thủ công nghiệp. Vùng đất Chín Rồng trở thành đầu mối giao dịch hàng hóa nhiều nơi với hệ thống chợ ven sông, kênh rạch, đường giao thông thuận lợi đối với đông đảo tiểu thương tham gia buôn bán. Người dân Nam Bộ nói chung, ĐBSCL nói riêng không kỳ thị người sinh kế làm nghề buôn bán với "tâm lý của người nông dân Nam Bộ được thể hiện rõ qua câu ca dao quen thuộc đã đi vào lòng người bao thế hệ: Đạo nào vui bằng đạo đi buôn, xuống biển lên nguồn gạo chợ nước trong" (40).

Từ thế kỷ XVII đến nửa sau thế kỷ XIX, với điều kiện tự nhiên sản xuất nông nghiệp thuận lợi, thủy sản tự nhiên dồi dào, lâm thổ sản đa dạng, khi sản phẩm nông - lâm - ngư nghiệp cung vượt cầu đối với người dân địa phương, nhu cầu trao đổi hàng hóa hình thành, mạng lưới chợ làng xã ra đời đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế. Vì vậy, "ĐBSCL là một đồng bằng mà ngay từ khá sớm đã có một nền kinh tế hàng hóa, đã có một hệ thống thương cảng ven sông, đã có một hệ thống đô thị, thị trấn khá sầm uất. Đó là một đồng bằng đã

sớm hình thành mối quan hệ gắn bó với trung tâm Sài Gòn và miền Đông Nam Bộ tạo ra tư thế "3 chân vạc" của một cấu trúc kinh tế công - nông - thương nghiệp mạnh nhất trong nước" (41) từ cuối thế kỷ XVII.

Tư liệu xưa mô tả khá đầy đủ về hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của mạng lưới chợ ở ĐBSCL, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* do Lê Quang Định biên soạn và hoàn thành năm 1806, đã miêu tả về trạm điếm, sông rạch, khe suối, đền miếu, chợ búa,… cả nước nói chung, ĐBSCL nói riêng. Đặc biệt, sách này ghi chép, khảo tả "dịch trạm, chợ búa, bến sông, cầu cống, chùa quán, danh thắng xưa nay…" (42) đã phản ánh sự phát triển khá sôi động kinh tế - xã hội của ĐBSCL trong những năm đầu thế kỷ XIX.

Trên địa bàn Vĩnh Long xưa có "trấn thành tên cũ là dinh Long Hồ, mặt trước nhìn ra sông Long Hồ… bên phải thành có chợ, tục gọi là Chợ Dinh, quán xá rất đông đúc, phía Đông chợ có cầu bắc ngang qua sông, cầu này dài 47 tầm, tục gọi là Cầu Cày. Từ đầu cầu có đường bộ chuyển qua hướng trái thì đến chợ Long Hồ, phố xá ở chợ này nối liền nhau, thuyền buôn tấp nập" (43) thuận lợi trao đổi, mua bán hàng hóa bằng đường thủy của người dân địa phương và các vùng phụ cận. Đồng thời, trước trấn thành đến sông Long Hồ, phía Tây rạch này có đồn, ở đồn này có chợ mới lập, có người Kinh, người Hoa, người Cao Miên sinh sống và buôn bán, hàng hóa đủ loại, phía Đông rạch này mới lập đồn dinh, có quân canh gác, ở đây dân cư rất đông đúc (44) tụ họp buôn bán nhộn nhịp, sôi động.

Ở Bến Tre thời bấy giờ "chợ Ba Vớt (Vét), có phố xá liền nhau, dưới bờ thì thuyền buôn tấp nập. Từ chợ này đi 2.400 tầm đến rạch Mỏ Cày, rạch rộng 4 tầm, sâu 1 tầm, bên phải rạch có chợ, quán xá liền nhau, dân cư đông đúc, từ bên phải đường bộ này đến chợ Giồng Thơm, ở đây có dân cư… Đến chợ Bến Tre, quán xá ở chợ này nối liền nhau, hàng hóa đủ loại, khách buôn tấp nập... Đến chợ Mỹ Lung, chợ có quán xá rất đông đúc, ruộng vườn liền nhau… Đến chợ Cần Đài, quán xá chợ này liền nhau, thuyền buôn tấp nập" (45). Các chợ này có số người buôn bán, trao đổi hàng hóa nhộn nhịp, quán xá đông vui, phản ánh không khí sôi động người mua, kẻ bán góp phần kết nối giao thương giữa các chợ ở vùng ven biển, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Trên địa bàn Tiền Giang xưa, tại huyện Kiến Hưng có chợ Mỹ Tho, tục gọi là chợ Phố Lớn, nhà ngói, cột chạm, chùa rộng, đình cao, tàu biển, thuyền sông đi lại như mắc cửi, thật là chỗ đại đô hội; chợ Lương Phú tục gọi chợ Sông Tranh, quán xá đông đúc, có bến chùa Phật ở đầu phía Đông, đều là những nhà bán gạo thóc cho nên thuyền gạo tụ tập ở đấy. Huyện Kiến Hòa có chợ Để Võng, dân ở đây làm nghề chài lưới; chợ An Bình tục gọi là chợ Cái Bè, hàng quán đông đúc, nhiều nhà làm nghề nhuộm, nhà giàu thường chứa cau đem bán ở Sài Gòn, lái buôn hay đóng thuyền để đi buôn bán ở Cao Miên (46). Chợ Hưng Lợi ở phía Nam sông Bảo Định, phố xá liền lạc, ngó ra sông lớn, kẻ qua lại thường đậu thuyền ở đây đợi con nước lên rồi theo dòng nước đi xuống Đông hay lên Tây, cho nên trên sông có nhiều ghe nhỏ chở bán thực vật, trong ấy có bán thịt heo luộc chín bảo là thịt bái đáp, vì ở huyện Quảng Điền kinh đô Phú Xuân có làng Bái Đáp chuyên nghề bán thịt heo, mà luộc thịt có phương pháp ăn rất ngon ngọt, người ở chợ này bắt chước làm theo, cũng gọi là thịt Bái Đáp (47).

Ở tỉnh Kiên Giang xưa, trấn Hà Tiên có "chợ trấn phía Đông ngó xuống bến hồ, nơi

bến có làm trại cá… Phía Đông phố Điếu kiều là phố chợ cũ, qua phía Đông phố chợ cũ là phố chợ Tổ Sư… đường nối tiếp giáp, phố xá liền lạc, người Việt, người Tàu, người Cao Miên, Đồ Đà đều theo chủng loại cư trú, ghe thuyền ở sông, biển qua lại nơi đây không dứt, thật là một đại đô hội ở nơi góc biển" (48). Huyện Long Xuyên có chợ Hoàng Giang ở trong trấn Hoàng Giang, phố xá liên tiếp, thuyền buôn tấp nập. Huyện Kiên Giang có chợ Sái Phu, tục gọi là chợ Rạch Giá, quán xá liên tiếp, thuyền buôn tấp nập (49). Đồng thời, "bên bờ Nam đều là ruộng muối, đến ngã ba đường sông, phía bên phải có chợ, tục gọi là chợ Bãi Xàu, ở đây người Kinh, Hoa và Cao Miên ở chung lộn với nhau, phố xá liền nhau, có đất làm muối để bán, màu muối đen như than rồi đem nung nó lại mịn và rất trắng, tục gọi là muối Ba Thắc" (50).

Giai đoạn từ nửa sau thế kỷ XIX đến năm 1945, mạng lưới chợ ở ĐBSCL có nhiều thay đổi về số lượng, quy mô, diện mạo đáp ứng nhu cầu trao đổi, mua bán hàng hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Sau Hiệp ước Giáp Tuất (năm 1874), ĐBSCL trở thành thuộc địa của thực dân Pháp. Thực dân Pháp, xác định kinh tế nông nghiệp ở vùng này có tiềm năng rất lớn… Do đó, một không khí mua bán, trao đổi hàng hóa, làm dịch vụ hoạt động rộn rịp suốt ngày đêm… Những tiệm chạp phô của người Hoa, thực chất là những nhà buôn nhỏ làm đại lý mua và bán hai chiều cho các công ty, chủ chành hoặc những nhà buôn lớn ra đời. Các tiệm chạp phô này có mặt ở các thị tứ, các chợ nông thôn, bán từng thước vải, lít dầu hôi, cây kim, sợi chỉ,… (51). Vì vậy, hàng hóa ở mạng lưới chợ ĐBSCL trở nên đa dạng, phong phú đáp ứng nhu cầu nhiều hơn trước cho người dân.

Chính quyền thời bấy giờ cho phép giới tư sản đầu tư phát triển thương nghiệp, trong đó có mạng lưới chợ. Mục đích phát triển mạng lưới chợ của giới tư bản Pháp là thu lợi nhuận từ tiền thuế. Tuy nhiên, nằm ngoài ý muốn chủ quan của người Pháp, sự phát triển mạng lưới chợ vùng này đã góp phần làm thay đổi diện mạo làng xã, đô thị, kinh tế - xã hội. Đến những năm 1945, theo thống kê của Vương Hồng Sển (52): Tổng số chợ ở ĐBSCL là 170, tăng 61 chợ so với năm 1897. Một trong những địa phương ở ĐBSCL có sự gia tăng số lượng chợ buôn bán được ghi chép, thống kê đầy đủ nhất là tỉnh Bến Tre. Theo đó, năm 1897 tỉnh này có 15 chợ, nhưng đến năm 1939 tăng lên 60 chợ; trong đó, mua bán, trao đổi hàng hóa nhộn nhịp nhất là chợ Bến Tre đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội địa phương (53).

Hàng hóa mua bán trao đổi ở mạng lưới chợ

Mạng lưới chợ ở mỗi vùng trở thành địa điểm mua bán, trao đổi hàng hóa ở địa phương và ngược lại. Do đó, mạng lưới chợ trở thành kênh quảng bá hàng hóa đặc sản địa phương trước, rồi đến lượt tiếp nhận các loại sản phẩm từ nơi khác đến. Thời thuộc Pháp, bên cạnh các mặt hàng truyền thống, mạng lưới chợ tỉnh, chợ huyện tiếp nhận thêm các loại hàng hóa có xuất xứ từ phương Tây, tạo nên sự đa dạng về chủng loại, phong phú về mẫu mã, chất lượng được nâng lên đáp ứng nhu cầu của người dân, thúc đẩy kinh tế thương nghiệp phát triển.

Mạng lưới chợ ở Bến Tre mua bán chủ yếu các loại nông sản như bông vải, dâu tầm, mè (vừng), thuốc lá, cau, trầu; cây ăn trái như chà là, dừa lùn, dừa khô, măng cụt, chuối, muối; Bến Tre có 4 loại sản vật chính là lúa, cơm dừa khô, lụa, cau và trầu. Cái Mơn nổi tiếng chẳng những trong tỉnh mà khắp Nam phần về cây ăn trái như quýt, cam, bưởi, sầu riêng, xoài, bòn bon; hàng hóa từ chăn nuôi trâu, bò, ngựa, heo, gà vịt. Dân miền duyên hải 60% chuyên nghề đánh cá, nên chợ ở đây buôn bán đa

dạng nguồn lợi từ thủy hải sản với các loại cá biển, cá sông, tôm khô, cua, sò, vọp… tôm cũng có nhiều loại (tôm càng, tôm đất, tôm chấu, ốc len, ốc bưu, ba khía, rùa…). Trong đó, thịt rùa không kém ngon so với thịt gà, rùa Đinh ăn cá mạnh, nông dân rất thích thịt lẫn trứng của nó. Nghề làm mắm còng thu nguồn lợi đáng kể, trở thành hàng hóa đặc sản ở chợ; mắm còng là món ăn đặc biệt của tỉnh, rất ngon và quý; trong tỉnh chỉ có làng Châu Bình là có sản phẩm này (54) được bày bán khắp các chợ tỉnh Bến Tre và cả vùng ĐBSCL.

Mạng lưới chợ ở An Giang buôn bán các loại hàng hóa nông, lâm, thủy sản ở địa phương, theo *Đại Nam nhất thống chí* có trên 10 nhóm chính như: Lúa, đậu, dưa, rau quả, cây lấy gỗ, tre, trúc… Vùng Thới Sơn núi non hiểm trở, có nhiều động thực vật quý hiếm như hoắc hương, bạch dược, đậu khấu… hươu nai, khỉ, ba ba… giúp nghề sắn bắt thuở xưa phát triển. Cùng với tôm, cá sông, cá đồng các loại (rô, lóc, trê, bông, bả trầu, sặc…), cá linh với sản lượng mỗi năm hàng ngàn tấn bán phổ biến ở các chợ. Cá linh phần lớn được làm mắm, rồi nước mắm để sử dụng quanh năm mà chợ lớn, nhỏ đều bày bán. Mắm Thái Châu Đốc, khô bà Châu Giang (nay là xã Châu Phong, huyện Tân Châu) từ lâu đã nổi tiếng khắp vùng (55), bán ở nhiều chợ trong tỉnh từ xưa đến nay. Chợ Châu Đốc thành lập đầu thế kỷ XIX là chợ đầu mối của tỉnh, cả vùng và biên giới Campuchia. Ngoài ra, hàng hóa của Pháp, Trung Quốc do các thương nhân người Hoa chở đến như vải lụa, rượu, đường, bột, kim loại… (56) để trao đổi, mua bán ở mạng lưới chợ của địa phương này và cả nước bạn Campuchia.

Các chợ chủ yếu hình thành ở vị trí giao thông thuận lợi ngã ba sông, ngã ba và ngã tư đường bộ nên "chợ ngã ba", "chợ ngã tư" phát triển sầm uất nhanh chóng. Do đó, hoạt động của mạng lưới chợ ở những địa điểm này thường sôi động, nhộn nhịp kẻ mua, người bán hơn những nơi khác. Theo đó, "những loại chợ này phát đạt nhanh chóng và trở thành trung tâm kinh tế của một khu vực hoặc một vùng. Ngoài khu vực để đông chợ, ở những nơi này có những chành vựa của những thương nhân cỡ lớn (vựa củi, vựa cá, vựa muối, chành lúa, chành dừa khô, cau khô, cá mắm…). Đôi khi chợ còn kèm theo những cơ sở chế biến nông thổ sản như ép dầu, xay xát lúa gạo, lò đường, lò rượu, xưởng nước mắm, lò mổ…" (57) đáp ứng nhu cầu phát triển thương mại ở các địa phương vùng đất Chín Rồng.

Thời gian hoạt động ở mạng lưới chợ

Cộng đồng dân cư ở ĐBSCL được hình thành từ những người "tha phương cầu thực", nên họ cùng nhau "chung lưng đấu cật", đoàn kết xây dựng quê hương mới. Thiên phú tự nhiên với nhiều ưu đãi của vùng này cho con người, nên tính cách người dân Tây Nam Bộ luôn phóng khoáng, hào sảng, nhiệt tình, hào hiệp, hạn chế tranh giành trong cuộc sống, nền kinh tế mở sớm hình thành. Vì vậy, việc mở chợ búa, quy định thời gian hoạt động của chợ có phần "thoáng" hơn so với phía Bắc. Ở miền Bắc, "nông thôn có nhiều loại chợ: chợ làng, chợ chùa, chợ bến sông, chợ huyện, chợ trấn… Chợ là nơi nhân dân địa phương và cả một số thương nhân ở xa đến trao đổi các sản phẩm hàng hóa. Thời nhà Lê ban hành định lệ về chia mở chợ mới" (58) với các quy định chặt chẽ nhằm hạn chế sự trùng lập mở mang chợ mới, nên chợ phiên theo ngày chẵn, lẻ, định kỳ ở miền Bắc định hình từ đó. Tuy nhiên, việc mở mang mạng lưới chợ, quy định hoạt động của nó ở ĐBSCL do người dân tự quyết định, mà

không thấy văn bản quy định nào của Nhà nước về thời gian hoạt động của chợ.

Đối với mạng lưới chợ nông thôn, thời gian diễn ra mua bán, trao đổi hàng hóa chủ yếu từ sớm mai, khoảng 3 - 4 giờ sáng đến gần trưa tan dần. Do tính chất, "chợ làng bao gồm một số người buôn bán chuyên nghiệp (hàng xén, vải vóc…), vài người thợ thủ công (thợ rèn, thợ cạo…), một số người nông dân chạy chợ "đòn gánh đè vai", "lấy công làm lãi" và những người tiểu nông đem các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi đi trao đổi" (59). Đặc biệt, các loài thủy hải sản vốn là thế mạnh của vùng sông nước Cửu Long, nên sau một đêm đánh bắt, được chuyển đến mạng lưới chợ từ rất sớm đáp ứng nhu cầu phân phối của giới tiểu thương buôn bán và người tiêu dùng.

Thời gian buôn bán, trao đổi hàng hóa ở mạng lưới chợ trấn, chợ huyện, chợ tỉnh ở ĐBSCL gần như suốt ngày. Với vai trò mạng lưới chợ đầu mối của địa phương nên thời gian hoạt động của các chợ này kéo dài trong ngày, do lượng hàng hóa trao đổi hai chiều lớn đáp ứng nhu cầu người dân trên không gian rộng lớn.

Kiến trúc của chợ

Một trong những nhân tố tác động đến quy mô hoạt động của chợ là kiến trúc. Qua kiến trúc của chợ sẽ phản ánh quy mô sung túc, nhộn nhịp, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương nhất định. Chợ làng xã quy mô nhỏ ở ĐBSCL thường tọa lạc trên những gò đất cao của làng, ấp, hoặc của cá nhân mở chợ, người bán hàng hóa ở chợ này chủ yếu "ngồi xổm" để trao đổi nên mới có thuật ngữ "chợ chồm hổm" cả nước nói chung, ở vùng này nói riêng.

Thời thuộc Pháp, mạng lưới chợ vùng ĐBSCL được chính quyền thực dân đầu tư xây dựng để thu thuế, nên chợ có sự thay đổi rõ nét về quy mô, kết cấu xây dựng. Mạng lưới chợ huyện, chợ tỉnh được xây dựng bằng mái lợp ngói, tôn, cột gỗ, sắt, nền xi măng cáo ráo, sạp kiên cố để bày trí hàng hóa, có hệ thống thoát nước đáp ứng nhu cầu hoạt động thương nghiệp theo hướng chuyên nghiệp hơn trước.

Chợ Bến Tre hình thành lâu đời ở địa phương này với quán xá trù mật, mua bán trao đổi hàng hóa sôi động thời phong kiến. Khi chiếm đóng Bến Tre, thực dân Pháp đã đặt sở tham biện tại chợ này. Nhà lồng chợ được xây cất bằng gỗ, lợp ngói, đến năm 1909 chợ được xây cất lại bằng bê tông, sườn sắt, rộng và kiên cố, có hàng rào sắt vây bọc bên ngoài (60), trở thành chợ lớn nhất của tỉnh Bến Tre. Chợ Mỹ Lồng hình thành đầu thế kỷ XIX thuộc huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Tên chợ đã đi vào ca dao "Bánh tráng Mỹ Lồng, bánh phòng Sơn Đốc" với phố xá liền lạc, buôn bán hội tụ đông đảo. Năm 1892, nhà lồng chợ được xây cất với cột gỗ, mái ngói, về sau được xây dựng bằng bê tông, cốt sắt (61), có quy mô chợ huyện, đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa của người dân địa phương và các vùng phụ cận.

Mạng lưới chợ xã, huyện, tỉnh các địa phương ĐBSCL đều được chính quyền đương thời đầu tư xây dựng với quy mô lớn, kết cấu hạ tầng khang trang, sạch đẹp đáp ứng nhu cầu phát triển thương nghiệp. Vì vậy, Paul Doumer - Toàn quyền Đông Dương (1897-1902) đánh giá: "Một trong các cơ sở quan trọng nhất trong một làng ở Nam Kỳ hiện đại là cái chợ. Tôi có thể nhại lại chính xác câu nói nổi tiếng trong giới thực dân: ở Nam Kỳ chưa có khu chợ nào có mai che trước khi chúng ta đến. Ngày xưa chợ họp ngay trong làng hoặc trên một mảnh đất rìa làng. Hiện nay, những người bán hàng ở chợ được ngồi bên dưới một công trình có mai che giống như ở Pháp,

nhưng bốn phía thông thoáng để gió vào, rất thích hợp với khí hậu ở đây. Làng nào cũng tự hào về chợ làng mình chẳng khác gì tự hào về đình làng vậy. Tuy nhiên, đây không chỉ là mong muốn làm đẹp mà người ta xây chợ, cũng không phải do muốn có chỗ tốt cho những người bán hàng. Muốn ngồi trong chợ thì phải trả tiền, và do chợ An Nam có nhiều người mua bán nên làng thu được từ chợ một khoản thuế lớn" (62).

3. Vai trò mạng lưới chợ

Đối với kinh tế

Mạng lưới chợ truyền thống ở ĐBSCL trở thành cầu nối trao đổi, luân chuyển hàng hóa rất quan trọng thúc đẩy các ngành sản xuất trồng trọt nhất là lúa gạo, cây ăn trái, chăn nuôi, đánh bắt sau đó là nuôi trồng thủy sản, khai thác lâm thổ sản, sản phẩm các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp làm mắm, đan lát, dệt lụa,… của địa phương không ngừng phát triển. Điều quan trọng nhất của mạng lưới chợ nơi này là đã chuyển hóa hoa lợi của người nông dân thành sản phẩm hàng hóa nhất là lúa gạo được thu gom xuất bán đi nhiều nơi trong nước và nước ngoài, trở thành chất xúc tác góp phần quan trọng manh nha hình thành kinh tế thị trường ở vùng đất này.

Vùng ĐBSCL có điều kiện tiếp xúc sớm với kinh tế hàng hóa thông qua các hoạt động trao đổi, mua bán ở thương cảng Bãi Xàu (Sóc Trăng), thương cảng Hà Tiên (Kiên Giang), phố thị Mỹ Tho (Tiền Giang), nên tính mở của mạng lưới chợ nơi này rất lớn. Hoạt động của mạng lưới chợ ở ĐBCSL có phần nhộn nhịp, sôi động của thương mại hàng hóa hơn những vùng khác, góp phần phát triển kinh tế địa phương. Nằm ngoài ý muốn chủ quan của giới tư bản, chính quyền Pháp mạng lưới chợ xã, chợ huyện, chợ tỉnh được xây dựng hiện đại, kiên cố, mở rộng quy mô kinh doanh đã tăng cường hơn nữa vị trí, vai trò điều tiết, luân chuyển hàng hóa, trở thành một trong các động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế ở ĐBSCL.

Đối với văn hóa - xã hội

Theo thời gian, mạng lưới chợ ở ĐBSCL như lăng kính phản chiếu đời sống vật chất, tinh thần của người dân Tây Nam Bộ - "văn minh miệt vườn" trong từng giai đoạn lịch sử. Thuở ban đầu, người dân vùng này tề tựu trao đổi, mua bán hàng hóa chủ yếu trên các giồng đất trống cao ráo, ngoài trời hoặc mái che bằng lá dừa, tranh, nứa tạm bợ ven sông, rạch trong thời gian khá dài. Thời Pháp thuộc, mạng lưới chợ ở đô thị được đầu tư xây dựng kiên cố theo kiến trúc phương Tây như chợ Mỹ Tho, chợ Gò Công, chợ Sa Đéc, chợ Bến Tre, chợ Vĩnh Long… Mạng lưới chợ nông thôn được chính quyền thời bấy giờ quan tâm nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Ngoài mục đích trao đổi, luân chuyển hàng hóa, mạng lưới chợ ở ĐBSCL trở thành "hơi thở", "nhựa sống" văn hóa cộng đồng, niềm tự hào của người dân làng xã góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Bên cạnh những giá trị văn hóa cổ truyền, văn hóa mới được kết tinh từ sản phẩm hàng hóa phương Tây từng bước xâm nhập vào mạng lưới chợ, lan tỏa đến người dân ở thành thị và nông thôn như ngôn ngữ, ăn mặc, quần áo, giày dép, trang sức,... theo kiểu châu Âu đã góp phần làm giàu thêm bản sắc văn hóa nước ta trong xu thế hội nhập.

4. Nhận xét

Một người Italia tên là Malaparte đã từng viết: "Tôi yêu chợ. Vì chợ là Viện Bảo tàng, chợ là Viện Hàn lâm. Thiết nghĩ sự hiểu biết về những Viện Bảo tàng, Viện Hàn lâm của Thành phố là điều bổ ích biết bao" (63). Việc nghiên cứu, tìm hiểu mạng

lưới chợ ở ĐBSCL thế kỷ XVII đến năm 1945 để thấy rõ hơn vị trí, vai trò, tầm quan trọng của hình thức thương nghiệp cổ truyền đối với sự phát triển kinh tế, giao thoa, tiếp biến văn hóa thời kỳ bấy giờ. Sự hoạt động, chuyển biến của mạng lưới chợ ở ĐBSCL như lăng kính sinh động, giúp chúng ta hôm nay hình dung quá khứ không ngừng chuyển mình, biến đổi của xứ sở "văn minh miệt vườn".

Gắn liền với những thăng trầm của lịch sử vùng đất ĐBSCL, mạng lưới chợ nơi này luôn chứng kiến, đồng hành với bao đổi thay, trở thành cầu nối, "nhịp thở" thị trường hàng hóa góp phần thúc đẩy sản xuất kinh tế mọi mặt, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân ở thành thị và nông thôn. Trong đó, mạng lưới "chợ là nhân tố quyết định sự hình thành tầng lớp tiểu thương buôn bán, trao đổi hàng hóa. Khi hệ thống chợ phát triển, số lượng tiểu thương mưu sinh qua buôn bán, trao đổi hàng hóa tăng dần. Tiểu thương sinh kế bằng nghề buôn bán không chỉ nuôi sống bản thân, gia đình mà còn là chất xúc tác thúc đẩy sản xuất phát triển, giao lưu văn hóa giữa các cộng đồng người, góp phần ổn định xã hội địa phương (64).

Một trong bốn con đường giao lưu và tiếp biến văn hóa trong lịch sử nhân loại là thương mại, "trong đó chợ là cầu nối trung gian trao đổi văn hóa vật chất, tinh thần giữa người với người từ cuộc sống. Trên cơ sở quan hệ kinh tế, thương mại đi trước, mở đường giao lưu và tiếp biến văn hóa theo sau với quy luật vật chất quyết định ý thức" (65). Do đó, mạng lưới chợ ở ĐBSCL luôn đồng hành với cầu nối tiếp biến, giao lưu, lan tỏa văn hóa vùng miền, khu vực, thế giới theo xu thế của lịch sử, làm cho văn hóa địa phương thêm đa dạng trong thống nhất. Trong quá trình xúc tiến thương mại, các sản phẩm văn hóa tinh thần bên ngoài (ngoại sinh) kết tinh trong hàng hóa vật chất có cơ hội len lỏi vào cộng đồng bản địa qua cầu nối trung gian của chợ" (66).

Trong tiến trình xác lập chủ quyền, định hình, mở rộng vùng ĐBSCL, mạng lưới chợ ở đây luôn đồng hành cùng sự biến đổi, không ngừng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, giao thoa, tiếp biến văn hóa làm giàu bản sắc văn hóa dân tộc, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân. Đặc biệt, diện mạo ở mạng lưới ĐBSCL không ngừng đổi mới về kết cấu, kiến trúc, quy mô hoạt động, tăng số lượng trở thành nhân tố phát triển thương mại quan trọng nhất thời bấy giờ; đồng thời, tạo nền tảng cho sự hưng thịnh của mạng lưới chợ ở ĐBSCL trong các giai đoạn lịch sử tiếp theo.

CHÚ THÍCH

(1), (4). Nguyễn Kim Thản, Hồ Hải Thụy, Nguyễn Đức Dương, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh, 2005, tr.317- 318; 1018.

(2). Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương), Thông tư số 15/TM-CSTTTN, ngày 16-10-1996 *Hướng dẫn tổ chức và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.01.

(3). Chính phủ, Nghị định số 02/2003/NĐ-CP, ngày 14-01-2003 *về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

(5), (6), (16). Huỳnh Lứa, *Góp phần tìm hiểu vùng đất Nam Bộ các thế kỷ XVII, XVIII, XIX*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000, tr.89-90, 94, 143-145.

(7), (13). Nguyễn Đình Đầu, *Đồng bằng sông Mê Kông, 300 năm qua*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1999, tr.81-82, 82

(8), (9), (11), (17). Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên), *Vùng đất Nam Bộ*, tập 4, Nxb. Chính trị

Quốc gia sự thật, Hà Nội, 2017, tr.13, 109-111; 119, 321-322.

(10). Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, tập thượng, bản dịch Nguyễn Tạo, Nxb. Nha Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa Sài Gòn, Sài Gòn, 1972, tr.63.

(12). Li Tana, *Xứ Đàng Trong - Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII*, bản dịch Nguyễn Nghị, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2013, tr.139.

(14). Trần Thị Thu Lương, *Chế độ sở hữu và canh tác ruộng đất ở Nam Bộ nửa đầu thế kỷ XIX*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh, 1994, tr.196.

(15). Lê Văn Năm, *Sản xuất hàng hóa và thương nghiệp ở Nam Bộ thế kỷ XVII- đầu thế kỷ XIX*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 3+4, 1988, tr.88.

(18). Đoàn Minh Huấn - Nguyễn Ngọc Hà (chủ biên), *Vùng đất Nam Bộ*, tập 5, Nxb. Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội, 2017, tr.239, 254.

(19). Đoàn Minh Huấn - Nguyễn Ngọc Hà (chủ biên), *Vùng đất Nam Bộ*, tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2017, tr.247-248.

(20), (21). Đoàn Minh Huấn - Nguyễn Ngọc Hà (chủ biên), *Vùng đất Nam Bộ*, tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2017, tr.149, 441.

(22), (23), (24). Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, tập thượng, bản dịch Nguyễn Tạo, Nxb. Nha Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa Sài Gòn, 1972, tr.58, 61, 62, 63; tr.78, 79, 80, 81, 82, 84, 91, 92, 93, 94; tr.113, 114.

(23), (24). Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, tập thượng, bản dịch Nguyễn Tạo, Nxb. Nha Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa Sài Gòn, 1972, tr.78, 79, 80, 81, 82, 84, 91, 92, 93, 94.

(24). Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, tập thượng, bản dịch Nguyễn Tạo, Nxb. Nha Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa Sài Gòn, 1972, tr.113, 114.

(25). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, bản dịch Hoàng Văn Lâu, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2005, tr.1716-1717. Chợ Mỹ Tho, chợ Hưng Lợi, chợ Giồng Cát, chợ Lương Phú, chợ Trà Luật, chợ Để Võng, chợ Kiến Định, chợ Giồng Lễ, chợ Ca Hon, chợ An Bình, chợ Mỹ Quý, chợ Hòa Sơn, chợ Hội Sơn.

(26). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, bản dịch Hoàng Văn Lâu, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2005; tr.1739-1740: Chợ Long Hồ, chợ Bình Sơn, chợ Tân Mỹ Đông, chợ An Ninh, chợ Thời Khánh, chợ Tân Định, chợ Ba Việt, chợ Tiên Thủy, chợ Hội An, chợ An Đức, chợ Lương Điền, chợ Bình Hòa, chợ Hưng Thịnh, chợ Hưng Nhượng, chợ An Bình Đông, chợ chợ Vĩnh Đức, chợ Thiện Mỹ, chợ Quãng Dã, chợ Trà Vinh.

(27). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, bản dịch Hoàng Văn Lâu, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2005; tr.1768-1769: Chợ Thái An Đông, chợ Tân An, chợ Sưu, chợ chợ Vĩnh Phước, chợ Tân Phú Đông, chợ Hòa An, chợ Tân Thuận, chợ Mỹ An, chợ Long Hậu, chợ Tú Điền, chợ Bình Thành Tây, chợ Nha Bân, chợ Hòa Mĩ.

(28). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, bản dịch Hoàng Văn Lâu, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2005; tr.1791: Chợ Mỹ Đức, chợ Sái Phu, chợ Hoàng Giang.

(29). Phủ Thống đốc Nam Kỳ, *Công văn lược lục*, Tài liệu lưu trữ, Sài Gòn, 1923, tr.434: Chợ Ba Tri (làng An Bình Đông), chợ Ông Đồ (làng An Bình Tây), chợ Giồng Gạch (làng An Lái), chợ Giồng Tre (làng An Ngãi Trung), chợ Giồng Chuối (làng Vĩnh Đức Tây), chợ Sốc Sãi (làng Tiên Thủy), chợ Cái Trầu (làng Thành Triêu), chợ Cái Gấm (làng Tường Đa), chợ Bến Tre (làng An Hội), chợ Bến Tranh (làng Long Hương), chợ Giồng Trơn và chợ Bến Miễu (làng Bình Hòa), chợ Ba Châu (làng Châu Phú), chợ Tổng Hay (làng Tân Thanh Trung), chợ Cái Nứa (làng Sơn Hòa), chợ Giồng Quéo (làng An Ngãi Tây), chợ Ngã Ba (làng Hưng Lễ), chợ Sơn Đốc (làng Hưng Nhượng), chợ Hương Điểm (làng Tân Hòa), chợ Cái Mít (làng Thạnh

Phú Đông), chợ Mỹ Lồng (làng Lương Mỳ), chợ Bàu Sấu (làng Lương Quới), Chợ Giữa (làng Phú Tự), chợ Giồng Trôm (làng Đồng Xuân), chợ Ba Mỹ (làng Mỹ Chánh và Mỹ Chơn), chợ Ông Dự (làng Phú Ngãi), chợ Xã Diệu (làng An Hòa Tây), Chợ Thom (làng An Thạnh), chợ Bang Tra (làng Tân Nhuận), chợ Mỏ Cày (làng Đa Phức), Chợ Xép (làng Tân Thành), chợ Vàm Nước Trong (làng Định Thủy), chợ Giồng Văn (làng An Thới), chợ Cái Cấm (làng Trường Thạnh), chợ Cái Mơn (làng Vĩnh Thành), chợ Giồng Luông (làng Đại Điền), chợ Cái Quao (làng An Định), chợ Cầu Mống (làng Hương Mỹ), chợ Cầu Quan (làng Tân Hương), chợ Ba Vát (làng Phước Hạnh), chợ Giồng Keo (làng Tân Thành), chợ Bến Dinh (làng An Thạnh), chợ Cầu Ván (làng Giao Thạnh), chợ Giồng Miễu (làng Thạnh Phú).

(30). Phủ Thống đốc Nam Kỳ, *Công văn lược lục*, Tài liệu lưu trữ, Sài Gòn, 1923, tr.480: Chợ Tân Châu (làng Long Phú), chợ Hồng Ngự (làng An Bình), chợ Tri Tôn (làng Thanh Lê), chợ Tịnh Biên (làng An Thạnh), chợ Thới Sơn (làng Nhà Bàng), chợ Châu Đốc (làng Châu Phú).

(31). Phủ Thống đốc Nam Kỳ, *Công văn lược lục*, Tài liệu lưu trữ, Sài Gòn, 1923, tr.522. Chợ Giồng Ông Huê (làng Vĩnh Lợi), Chợ Dinh (làng Đông Sơn), chợ Tông Châu (làng Tân Niên Tây), chợ Cửa Khâu (làng Tăng Hòa), chợ Giồng Nâu (làng Hòa Nghi), chợ Sáu Thoản (làng Bình Luông Đông), chợ Giồng Trôm (làng Long Thạnh), chợ Mỹ Lợi (làng Bình Thạnh Đông), chợ Cân Ngân (làng Thanh Nhứt), chợm Vàm Láng (làng Kiến Phước), chợ Bến Vựa (làng Bình Ân), chợ Bình Xuân (làng Bình Xuân).

(32). Phủ Thống đốc Nam Kỳ, *Công văn lược lục*, Tài liệu lưu trữ, Sài Gòn, 1923, tr.553. Chợ Gạo (làng Bình Phân), chợ Cầu Ngan (làng Hòa Ninh), chợ An Hóa (làng An Hóa), chợ Giao Hòa (làng Giao Hòa), chợ Rạch Miễu (làng Tân Thạch), chợ Bình Đại (làng Bình Đại), chợ Thới Thuận (làng Thới Thuận), chợ Tài Yên (làng Phú Mỹ), chợ Cô Chi (làng Tân Hội Đông), chợ Trấn Định (làng Tân Hiệp), chợ Tân Hương (làng Tân Hương), chợ Ông Ngọ (làng Tân Lý Tây), chợ Tịnh Gian (làng Tịnh Gian), chợ Bà Dừa (làng Mỹ Đông Trung), chợ Cái La (làng Phú Sơn), chợ Phó Ngọ (làng Xuân Sơn), chợ Tham Rom (làng Cam Sơn), chợ Cai Lậy (làng Thanh Sơn), chợ Gạch Rầm (làng Kim Sơn), chợ Mỹ Quý (làng Mỹ Quý), chợ Cái Bè (làng An Bình Đông), chợ An Cư (làng An Cư), chợ Cái Nứa (làng Hậu Thành), chợ Cái Thia (làng Mỹ Đức Đông), chợ An Hựu (làng An Hựu), chợ Thạnh Hưng (làng Thạnh Hưng), chợ Ông Văn (làng Bình Đăng), chợ Gò Cát (làng Bình Hải), chợ Bến Tranh (làng Lương Phú), chợ Nhựt Tân (làng Nhựt Tân), chợ Thanh Trong (làng Phú Kiết), chợ Tha La (làng Bình Đông), chợ Thuộc Nhiêu (làng Dương Điền), chợ Xoài Mút (làng Thạnh Phú), Chợ Giữa (làng Vĩnh Kim Đông), chợ Bến Chùa (làng Long Hội), Chợ Bưng (làng Long Hội Tây), chợ Cái Ngan (làng Trung Lương).

(33). Phủ Thống đốc Nam Kỳ, *Công văn lược lục*, Tài liệu lưu trữ, Sài Gòn, 1923, tr.577. Chợ Sa Đéc (làng Tân Phú Đông), chợ Vĩnh Phước (làng Vĩnh Phước), chợ Tân Quy (làng Tân Quy Đông), Chợ Cồn, chờ Cao Lành (làng Mỹ Trà), Chợ Mới (làng Mỹ Ngã), chợ Cái Thượng (làng Hội Ai), chợ Đất Sét (làng Mỹ An), chợ Tân Thuận (làng Tân Thuận), chợ Lai Vung (làng Tân Lộc), chợ Long Hậu (làng Long Hậu), chợ Cái Tàu Hạ (làng Phú Hựu), chợ Nha Mân (làng Phú Nhuận), Chợ Dinh (làng Tân Hựu), chợ Mỹ Tho (làng Mỹ Tho), chợ Mỹ Xương (làng Mỹ Xương).

(34). Phủ Thống đốc Nam Kỳ, *Công văn lược lục*, Tài liệu lưu trữ, Sài Gòn, 1923, tr.601. Chợ Tầm Vu (làng Dương Xuân), chợ Nhựt Tảo (làng Nhựt Tảo), chợ Kỳ Sơn (làng Bình Quới), chợ Thủ Thừa (làng Vinh Phong), chợ Nhà Dài (làng Thuận Lê), chợ Tham Nhiên (làng Bình Phước), chợ Tân An (làng Bình Lập), chợ Quản Tập (làng Tân Trụ), chợ Huyện Lâm (làng Bình Trường Tây), chợ Long Khốt (làng Thái Bình Trung).

(35). Phủ Thống đốc Nam Kỳ, *Công văn lược lục*, Tài liệu lưu trữ, Sài Gòn, 1923, tr.642. Chợ Cần Chông (làng Tiểu Cần), chợ Cầu Ngang (làng Thuận Mỹ), chợ Ngã Ba (làng Ngãi Thập), chợ Bang Da (làng Phước Bảo), chợ Càng Long (làng An Trường), chợ Ô Lác (làng Thành Mỹ), chợ Ba Se (làng Lương Sa), chợ Ba Si (làng Phương Trà), chợ Lang Thê (làng Nguyệt Lãng), chợ Ất Ếch (làng Huyên Thạnh), chợ Tân An (làng Tân An), chợ Ô Chat (làng Khánh Lộc), chợ Ba Tiêu (làng Đa Lộc), chợ Cầu Công (làng Phước Hưng), chợ Trà Trót (làng Ngưu Sơn), chợ An Long (làng An Quang Hữu), chợ Trà Cú (làng Thanh Xuyên), chợ Trà Kha (làng Dai dú), chợ Hội Nhuê (làng Hội Nhuê), chợ Tham Dừa (làng Đôn Hậu), chợ Ba Đông (làng Trưởng Lộc), chợ Thị Rèn (làng Thành Hòa Sơn), chợ Mảng Đục (làng Bình Tấn), chợ Đầu Bồ (làng Thuận Thánh), chợ Vinh Trường (làng Vinh Trường), chợ Dừa Đỏ (làng Long Thánh).

(36). Phủ Thống đốc Nam Kỳ, *Công văn lược lục*, Tài liệu lưu trữ, Sài Gòn, 1923, tr.660. Chợ Long Châu, chợ Ngã Tư, Chợ Lách, chợ Vũng Liêm, chợ Tam Bình.

(37), (38), (39). Nguyễn Thanh Lợi, *Chuyện cân, đong, đo, đếm ở Nam Bộ xưa và nay*, Kiến thức ngày nay, Tp. Hồ Chí Minh, số 1030, 2019, tr.6, 6, [7,8,89].

(40). Ngô Văn Lệ, *Văn hóa người Việt Nam Bộ: Truyền thống và biến đổi*. Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ với mấy vấn đề tiến trình lịch sử xã hội, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2009, tr.348.

(41). Nguyễn Công Bình (chủ biên), *Đồng bằng sông Cửu Long Nghiên cứu & phát triển*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr.9.

(42), (43), (44). Lê Quang Định, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, bản dịch Phan Đăng dịch, Nxb. Thuận Hóa, Thừa Thiên Huế, 2005, tr.10, 318, 334.

(45). Lê Quang Định, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, bản dịch Phan Đăng dịch, Nxb. Thuận Hóa, Thừa Thiên Huế, 2005, tr. 321, 322, 325.

(50). Lê Quang Định, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, bản dịch Phan Đăng dịch, Nxb. Thuận Hóa, Thừa Thiên Huế, 2005, tr. tr.336.

(46), (49). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí,* tập 5, Viện sử học, Nxb. Thuận Hóa, Thừa Thiên Huế, 2006, tr.128-130, 31-32

(47), (48). Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, tập hạ, bản dịch Nguyễn Tạo, Nxb. Nha Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa Sài Gòn, 1972, tr. 121, 129.

(51), (60), (61). Nhiều tác giả, *Địa chí Bến Tre*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001, tr.526- 527-528; 542; 556-557.

(52). Vương Hồng Sển, *Tự vị tiếng nói miền Nam*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 1999.

(53). Huỳnh Minh, *Kiến Hòa xưa và nay (Bến Tre)*, Nxb. Cánh Bằng, Sài Gòn, 1965, tr. 23, 24.

(54). Nguyễn Duy Oanh, *Tỉnh Bến Tre trong lịch sử Việt Nam (1757-1945)*, Nxb. Phủ quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa, Sài Gòn, 1971, tr.146, 147, 152, 158, 161, 164, 165, 169, 170.

(55), (56), (57). Nhiều tác giả (2013), *Địa chí An Giang*, Nxb. UBND tỉnh An Giang, An Giang, 2013, tr.542-543; 560; 538-539.

(58). Nguyễn Thị Phương Chi, *Chính sách của nhà Lê đối với hoạt động thương mại ở nông thôn,* Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử,* số 9 (485), Hà Nội, 2016, tr.4, 5.

(59). Phan Đại Doãn, *Làng xã Việt Nam một số vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.20.

(62). Paul Doumer, *Xứ Đông Dương*, bản dịch Lưu Đình Tuân, Lê Đình Chi, Hoàng Long, Vũ Thúy, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2019, tr.122-123.

(63). Phạm Côn Sơn, *Từ điển Du lịch dã ngoại*, Nxb Đồng Nai, Đồng Nai, 2000, tr.408.

(64), (65), (66). Lê Quang Cần, *Chợ ở miền Đông Nam Bộ, một góc nhìn*, Nxb. Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2019, tr.61, 149, 155.